

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

— Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-BGTVT-BKHĐT ngày 17/01/2012 của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nội dung, trình tự lập quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 216/TTr-SKHĐT ngày 14/12/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Quan điểm phát triển:**

Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 phải đảm bảo có cơ sở pháp lý, thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước, cơ quan các cấp; định hướng kịp thời đáp ứng nhu cầu giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế xã hội của tỉnh; đảm bảo tính đồng bộ, kết nối liên hoàn hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh với hệ thống hạ tầng giao thông của vùng và của quốc gia; kết hợp phát triển giao thông vận tải với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền

vững và bảo vệ môi trường, lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai; xác định rõ mục tiêu, quan điểm, tính chất và quy mô phát triển; nhu cầu sử dụng đất, nhu cầu vốn, nguồn vốn, xác định danh mục các dự án, dự án ưu tiên; xác định cơ chế, chính sách và giải pháp thực hiện quy hoạch.

## **2. Mục tiêu phát triển:**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát:**

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện mạng-lưới giao thông đồng bộ, có tính liên kết cao giữa các vùng trong tỉnh, các tỉnh trong khu vực; tạo sự liên thông, liên hoàn với các vùng lân cận và tạo không gian mở cho phát triển kinh tế - xã hội. Đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp các hạ tầng giao thông huyết mạch quan trọng, các công trình trọng điểm, các trục đường chính, đường đô thị. Từng bước nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống các tuyến đường đạt cấp kỹ thuật theo quy hoạch; đẩy mạnh phát triển giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể:**

Đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 hệ thống giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn đạt được các mục tiêu cơ bản sau:

#### **a) Về vận tải:**

- Phát huy lợi thế của vận tải đường bộ, khai thác tận dụng có hiệu quả của vận tải đường thủy để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải (cả về phương tiện và quản lý vận tải), đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vận tải.

- Khuyến khích phát triển, nâng cấp hệ thống bến xe, bãi đỗ, trạm dừng nghỉ, dịch vụ vận tải xe khách, taxi, xe buýt ở các đô thị, đi các huyện theo chủ trương khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển vận tải.

- Đảm bảo an toàn về người và hàng hoá trong quá trình vận chuyển. Tuyên truyền vận động mọi người tham gia giao thông chấp hành nghiêm túc luật giao thông, đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

#### **b) Về kết cấu hạ tầng giao thông:**

- Giao thông đường bộ: Cơ bản các tuyến đường Quốc lộ đạt cấp IV miền núi trở lên, đường tỉnh đạt đường từ cấp V miền núi trở lên; hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường phù hợp với cấp đường, đảm bảo an toàn, giao thông đi lại được 4 mùa, đáp ứng được nhu cầu vận tải trên địa bàn tỉnh.

- Giao thông đường thủy nội địa: Sửa chữa, nạo vét, cấm hệ thống phao tiêu, biển báo và đưa vào cấp để quản lý, bảo trì và khai thác. Sau năm 2025 nâng cấp hệ thống bến, phương tiện vận tải đường thủy đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch.

- Giao thông đường sắt: Phân đấu đến năm 2025 có tuyến đường sắt từ thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến khu công nghiệp Thanh Bình,

huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Phân đầu đến năm 2035 kết nối đến trung tâm thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Giao thông đường hàng không: Phân đầu đến năm 2025 đầu tư xây dựng xong sân bay Quân Bình, đến năm 2035 mở rộng quy mô xây dựng kết hợp với cảng hàng không dân dụng tại sân bay xã Quân Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

### **3. Nội dung quy hoạch:**

Bao gồm:

- Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ; Quy hoạch mạng lưới giao thông đường thủy nội địa; Quy hoạch mạng lưới giao thông đường sắt; Quy hoạch mạng lưới giao thông đường hàng không.

- Quy hoạch kết nối giao thông tỉnh Bắc Kạn với các tỉnh giáp ranh.

- Quy hoạch mạng lưới hệ thống vận tải: Quy hoạch phát triển hệ thống mạng lưới tuyến vận tải; Quy hoạch phát triển phương tiện vận tải; Quy hoạch hệ thống bến xe, điểm dừng đỗ giao thông đường bộ.

- Quy hoạch phát triển công nghiệp giao thông vận tải.

*(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)*

### **4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:**

*(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)*

### **5. Kinh phí thực hiện quy hoạch:**

- Tổng kinh phí đầu tư thực hiện quy hoạch: 61.006,2 tỷ đồng.

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện; vốn vay ADB; vốn BOT, BT; vốn của doanh nghiệp; vốn huy động nhân dân đóng góp và vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

### **6. Các giải pháp thực hiện quy hoạch:**

Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 – 2025, định hướng giai đoạn 2025 – 2035 được xây dựng và hoàn thiện từ quan điểm phát triển toàn diện và mục tiêu cụ thể với nhu cầu vốn đầu tư lớn. Vì vậy, các nhóm giải pháp cụ thể về chính sách, quản lý quy hoạch, huy động vốn, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, khoa học công nghệ - bảo vệ môi trường và phát triển nguồn nhân lực cần được xây dựng và thực hiện đồng bộ, có hiệu quả. Trong đó thực hiện nhóm giải pháp về chính sách gồm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào các dịch vụ công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng với những chính sách ưu đãi cụ thể về vốn, thuế... Đặc biệt tập trung thực hiện giải pháp về vốn bằng cách kết hợp sự hỗ trợ từ Trung ương với việc huy động nhiều nguồn vốn khác nhau như vốn: ODA, WB..., huy động đầu tư theo hình thức PPP, BT,

BOT; đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động vận tải (bến xe, vận tải hành khách công cộng, bến thủy nội địa) nhằm phát triển hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Sở Giao thông Vận tải công bố Quy hoạch, đồng thời chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Sở Giao thông Vận tải thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của quy hoạch đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với việc phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh Bắc Kạn về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

**Điều 4.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản giấy:*

- Như Điều 4 (t/h);
- Bộ GTVT (b/c);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);

*Gửi bản điện tử:*

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Ly Thái Hải**

**PHỤ LỤC SỐ I**  
**NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN**  
**GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2025,**  
**ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

(kèm theo Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy  
ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**A. QUY HOẠCH HỆ THỐNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**I. Quốc lộ:**

**1. Giai đoạn 2017-2025:**

- Quốc lộ 3 mới: Tiếp tục đầu tư xây dựng đoạn từ Khu công nghiệp Thanh Bình (Chợ Mới) đến thành phố Bắc Kạn đạt đường cấp III đồng bằng.
- Quốc lộ 3: Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi.
- Quốc lộ 3B: Nâng cấp, cải tạo đoạn Km 61+00 - Km 112+00 đạt đường cấp IV miền núi.
- Quốc lộ 3C: Xây dựng 04 cầu trên tuyến gồm cầu Bản Thít, cầu Nà Duông, cầu Nà Tông, cầu Tùm Tó đạt tải trọng thiết kế HL93. Nâng cấp, cải tạo đoạn Km 35+00 - Km 67+900 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.
- Quốc lộ 279: Đầu tư nâng cấp, cải tạo đoạn Km 229+00-Km 299+00; đoạn từ Km313 - Km321 và đoạn nối Km 27+00 - Km 63+00 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

**2. Định hướng giai đoạn 2025-2035:**

- Quốc lộ 3 mới: Đầu tư xây dựng toàn tuyến từ Thái Nguyên- Bắc Kạn- Cao Bằng đạt tiêu chuẩn đường cao tốc loại A.
- Quốc lộ 3B, QL.279: Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến đạt đường cấp III miền núi; các đoạn qua trung tâm thành phố, thị trấn đạt tiêu chuẩn đường đô thị.
- Quốc lộ 3C: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện toàn tuyến QL3C nối với QL34 Cao bằng đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

**II. Đường tỉnh**

**1. Giai đoạn 2017-2025:**

- Nâng cấp, cải tạo ĐT.254, ĐT.258B đoạn Km0+00-Km30+00 đạt đường cấp IV miền núi.
- Xây dựng hoàn thành hệ thống các cầu trên tuyến ĐT.256 đạt tải trọng thiết kế HL93.
- Cải tạo, sửa chữa ĐT.253 đoạn Chu Hương - Hà Hiệu từ Km0+00-Km12+00 đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.
- Xây dựng đoạn Cốc Đán - Trung Hòa đạt đường cấp IV miền núi và

chuyển thành đường tỉnh 251 kéo dài.

- Mở mới, nâng cấp tuyến Quân Bình - Lục Bình (Bạch Thông) - Đồng Phúc (Ba Bể) - Quảng Khê (Ba Bể) - QL3C đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi và chuyển thành đường tỉnh.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến từ ĐT.254 đi xã Xuân Lạc (huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn) - nối sang ĐH.13 huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang thuộc xã Sơn Phú đạt đường cấp V miền núi.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cầu vượt dòng thay thế các đường tràn trên các tuyến đường tỉnh đạt tải trọng thiết kế HL93 hoặc tương đương.

- Nâng cấp, cải tạo các tuyến ĐT.252B, ĐT.253, ĐT.256, ĐT.257B, ĐT.258B (đoạn Km33+00 - Km 65+585) đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Nâng cấp, cải tạo đoạn từ ĐT.258B nối sang xã Hồng Thái, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, chuyển thành tuyến nhánh ĐT.258B.

- Đầu tư xây dựng chuyển một số tuyến đường huyện thành đường tỉnh:

+ Xây dựng, nâng cấp tuyến Thanh Vận - Cao Kỳ - Yên Cư đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

+ Nâng cấp tuyến đường huyện Yên Thịnh - Bản Thi - Quảng Bạch - Tân Lập (huyện Chợ Đồn) đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến đường đoạn thành phố Bắc Kạn (QL.3B) - huyện Bạch Thông (xã Đôn Phong) và mở mới đoạn Đôn Phong - Đồng Phúc - Quảng Khê nối với QL.3C đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Mở mới tuyến đường vành đai phía Đông thành phố Bắc Kạn: Điểm đầu phường Xuất Hóa; điểm cuối phường Huyền Tung có chiều dài khoảng 20km.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Nông Hạ - Yên Hân và mở mới đoạn xã Yên Hân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn kết nối với xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi và chuyển thành đường tỉnh 259 kéo dài.

- Nâng cấp, mở mới tuyến từ Xã Cường Lợi (huyện Na Rì) - Kết nối ĐT.231 (Xã Hưng Đạo, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn) đạt đường cấp V miền núi và chuyển thành đường tỉnh.

- Dự án hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn do ADB tài trợ, gồm:

+ Cải tạo, nâng cấp đường nối từ trung tâm huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn với Sơn Lộ, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đạt đường cấp V miền núi.

+ Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: TT.Yến Lạc (Na Rì) đến Trung tâm các huyện Bình Gia, Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

+ Cải tạo, nâng cấp đường kết nối từ trung tâm xã Thượng Ân (huyện Ngân Sơn) - Hoa Thám (huyện Nguyên Bình tỉnh Cao Bằng) đạt đường cấp VI miền núi.

## **2. Định hướng giai đoạn 2025-2035:**

- Nâng cấp, cải tạo các tuyến ĐT.251, ĐT.252, ĐT.253B, ĐT.254B, ĐT.259, ĐT.259B đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐT.258 đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi.

- Chuyển một số tuyến đường huyện đã hoàn thành nâng cấp, mới giai đoạn 2017 - 2025 thành đường tỉnh đạt tiêu chuẩn cấp IV miền núi: Lương Bằng (huyện Chợ Đồn) - Kiên Đài (huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang); Công Bằng (huyện Pác Nặm) - Yên Thô (huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng); Quang Phong - Đông Xá - Xuân Dương (huyện Na Rì) kết nối với ĐT.227 tỉnh Lạng Sơn (xã Thiện Long, huyện Bình Gia); Tuyến đường xã Kim Hỷ (Na Rì) kết nối với xã Hương Nê (Ngân Sơn).

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các cầu vĩnh cửu thay thế các đường tràn trên các tuyến đường tỉnh.

## **B. QUY HOẠCH HỆ THỐNG BÃI ĐỔ THẢI**

Các dự án xây dựng trong quy hoạch đề xuất phương án quy hoạch hệ thống bãi đổ thải trên các đường quốc lộ và tỉnh lộ như sau:

- Đối với các tuyến quốc lộ: Bình quân 50km quy hoạch 01- 02 bãi đổ thải.

- Đối với các tuyến tỉnh lộ: Mỗi tuyến quy hoạch 01-02 bãi đổ thải.

Việc xác định chi tiết vị trí bãi đổ thải sẽ được quy hoạch chi tiết đối với từng dự án cụ thể được phê duyệt.

## **C. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN**

Đối với quy hoạch giao thông nông thôn bao gồm các tuyến đường huyện, đường xã, đường lâm nghiệp, đường vào khu công nghiệp, đô thị... sẽ theo các quy hoạch của các huyện và thành phố được phê duyệt.

### **1. Giai đoạn 2017-2025:**

- Xây dựng hoàn thành hệ thống các cầu trên tuyến đường Bộc Bó - Bằng Thành đạt tải trọng thiết kế HL93.

- Sửa chữa, cải tạo khôi phục các tuyến đường địa phương (Dự án LRAMP): Cường Lợi - Vũ Loan; Kim Lư - Lương Thành; Vũ Loan - Lạng Sơn (huyện Na Rì); Vân Tùng - Cốc Đán (huyện Ngân Sơn); Phương Linh - Vi Hương; Huyền Tụng - Mỹ Thanh (huyện Bạch Thông) và Quang Thuận - Mai Lạp (huyện Chợ Mới) đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại B.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng các xã CT229: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường: Kim Hỷ - Vũ Muộn; Sỹ Bình - Pù Cà; Lạng Sơn - Ân Tình và tuyến đường đi vòng quanh hồ Ba Bể đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại B.

- Mở mới, kết nối các tuyến đường: Vi Hương (huyện Bạch Thông) - Mỹ

Phương (huyện Ba Bê); Kim Hỷ (huyện Na Rì) - Hương Nê (huyện Ngân Sơn); Công Bằng (huyện Pác Nặm) - Yên Thổ (huyện Bảo Lâm) đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.

- Kết nối, nâng cấp tuyến Quang Phong - Đồng Xá - Xuân Dương (huyện Na Rì) với ĐT.227 (xã Thiện Long, huyện Bình Gia) đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Lập quy hoạch sản phẩm chi tiết của quy hoạch phát triển lĩnh vực giao thông vận tải như: Đầu nối các tuyến đường ngang vào đường quốc lộ; đầu nối các tuyến đường ngang vào đường tỉnh.

## **2. Định hướng giai đoạn 2025-2035:**

- Mở mới, nâng cấp tuyến đường từ xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới kết nối với xã Lam Vĩ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đạt đường cấp V miền núi.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến Bản Tết - Khe Thí, xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới kết nối với xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Nâng cấp, cải tạo tuyến từ ĐT.254 đi xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn – nối sang xã Linh Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đạt đường cấp V miền núi.

- Nâng cấp, cải tạo đường từ Bản Pác Cáp xã Công Bằng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn nối sang với ĐH 11 huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tại xã Thượng Giác, đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Mở mới tuyến đường huyện từ ĐT.254 đi qua Bản Pèo, xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn – nối sang xã Trung Minh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, đạt đường cấp V miền núi.

- Mở mới tuyến đường huyện từ QL.3B, qua Bản Cậu, xã Yên Thịnh, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn nối sang ĐH.04 huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tại xã Bình Phú, đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi.

- Mở mới tuyến đường huyện kết nối từ xã Tân Sơn (Chợ Mới) kết nối với xã Đồng Xá (huyện Na Rì) – kết nối xã Yên Cư (huyện Chợ Mới), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.

- Mở mới tuyến đường huyện kết nối từ thôn Nà Trầm (giao cắt ĐT.258) xã Mỹ Phương (huyện Ba Bê) kết nối với Bản Hòa (giao cắt QL3) – Thị trấn Nà Phặc (huyện Ngân Sơn), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.

- Mở mới tuyến đường huyện kết nối từ xã Phương Viên – xã Rã Bản (huyện Chợ Đồn) kết nối với xã Đôn Phong (huyện Bạch Thông), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.

- Mở mới tuyến đường huyện kết nối từ xã Nam Cường – Lũng Noong (huyện Ba Bê) kết nối với - Xã Quảng Khê (huyện Ba Bê), đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi.

## **D. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**



### **1. Giai đoạn 2017-2025:**

- Đổi mới, thay thế phương tiện vận tải hành khách đường thủy nội địa theo hướng thân thiện môi trường để phục vụ phát triển du lịch.

- Cải tạo, hoàn thiện các hạng mục phụ trợ, dịch vụ vận tải và trình cấp có thẩm quyền công bố đưa vào khai thác, quản lý tuyến đường thủy Pác Co (Thị trấn Chợ Rã) - Hồ Ba Bể.

- Nâng cấp, cải tạo các bến thủy nội địa trên khu vực Hồ Ba Bể, Sông Năng đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

### **2. Định hướng giai đoạn 2025-2035:**

Nâng cấp, cải tạo tuyến đường thủy nội địa Pác Co (thị trấn Chợ Rã) - Hồ Ba Bể- Thác Đầu Đẳng đạt cấp IV. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đáp ứng nhu cầu vận tải bằng đường thủy nội địa.

## **D. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

### **1. Giai đoạn 2017-2025:**

Phấn đấu xây dựng tuyến đường sắt từ phường Quán Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đến Khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

### **2. Định hướng giai đoạn 2025-2035:**

Phấn đấu đến năm 2035 kết nối đến trung tâm thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

## **E. QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG**

### **1. Giai đoạn 2017-2025:**

Phấn đấu xây dựng sân bay tại xã Quân Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn (theo Quyết định 1572/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh Bắc Kạn).

### **2. Định hướng giai đoạn 2025-2035:**

Phấn đấu đầu tư nâng cấp, mở rộng sân bay tại xã Quân Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn cấp V; kết hợp sân bay quân sự và dân dụng.

## **G. QUY HOẠCH KẾT NỐI GIAO THÔNG TỈNH BẮC KẠN VỚI CÁC TỈNH RÁP RANH**

### **I. Kết nối tỉnh Bắc Kạn - Thái Nguyên**

#### **1. Kết nối giao thông đường bộ:**

- Quốc lộ: Xây dựng Quốc lộ 3, QL.3C và QL.3 mới theo phương án quy hoạch chi tiết.

- Đường tỉnh: Nâng cấp, cải tạo tuyến Nông Hạ- Yên Hân (huyện Chợ Mới) - Sảng Mộc (huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên) và chuyển thành đường tỉnh ĐT.259 kéo dài.

- Đầu tư xây dựng mở mới các tuyến đường huyện: Mai Lạp (huyện Chợ Mới) - Lam Vĩ (huyện Định Hóa); Nông Thịnh (huyện Chợ Mới) - Tân Thịnh (huyện Định Hóa). Trong giai đoạn 2020-2025 quy hoạch đường cấp VI miền núi, định hướng 2035 nâng lên cấp V miền núi.

## **2. Kết nối giao thông đường sắt:**

Từ thành phố Thái Nguyên (Ga Quán Triều) - Chợ Mới (Khu công nghiệp Thanh Bình) - thành phố Bắc Kạn.

## **II. Kết nối tỉnh Bắc Kạn - Tuyên Quang**

**1. Quốc lộ:** QL.3B, QL.279 theo hiện trạng quy hoạch đã có.

**2. Đường tỉnh:** Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến từ Công Bằng (huyện Pác Nặm) - Hồng Thái (huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang), chuyển thành đường tỉnh ĐT.258B nhánh 1.

### **3. Đường huyện:**

Mở mới và kết nối các tuyến đường: Xuân Lạc (huyện Chợ Đồn) - Sơn Phú (huyện Na Hang); Lương Bằng (huyện Chợ Đồn) - Linh Phú (huyện Chiêm Hóa); Lương Bằng (huyện Chợ Đồn) - Kiên Đài (huyện Chiêm Hóa); Công Bằng (huyện Pác Nặm) - Thượng Giáp (huyện Na Hang); Bình Trưng (huyện Chợ Đồn) - Trung Minh (huyện Yên Sơn); Yên Thịnh (huyện Chợ Đồn) - Bình Phú (huyện Chiêm Hóa). Trong giai đoạn 2020- 2025 quy hoạch đường cấp VI miền núi, định hướng 2035 nâng lên cấp V miền núi.

## **III. Kết nối tỉnh Bắc Kạn - Cao Bằng**

### **1. Quốc lộ:**

- Quốc lộ 3: Theo hiện trạng quy hoạch đã có.

- Quốc lộ 3C: Kéo dài đi Cao Bằng theo hướng ĐT.257B, ĐT.254, ĐT.258, ĐT.258B - Bằng Thành- Bảo Lạc- Quốc Lộ 34 (tỉnh Cao Bằng) theo phương án quy hoạch QL.3C.

- Quốc lộ 3 mới: Đầu tư xây dựng tiếp từ Bắc Kạn - Cao Bằng, hướng tuyến từ thành phố Bắc Kạn, đi qua huyện Bạch Thông (xã Mỹ Thanh, xã Cao Sơn, xã Vũ Muộn), huyện Na Rì (xã Kim Hỷ, xã Lạng Sơn, xã Văn Học, xã Vũ Loan) nối sang xã Quang Trọng, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

### **2. Đường tỉnh:**

Kết nối ĐT.252 và ĐT.253 theo phương án quy hoạch chi tiết đường tỉnh với tỉnh Cao Bằng.

### **3. Đầu tư mở mới, kết nối các tuyến đường huyện như sau:**

Giáo Hiệu - Nhận Môn (huyện Pác Nặm) - Sơn Lập (huyện Bảo Lâm); Bộc Bó - Nhận Môn (huyện Pác Nặm) - Yên Thổ - Bảo Lâm (tỉnh Cao Bằng); Công Bằng (huyện Pác Nặm) - Bản Búng, Yên Thổ (huyện Bảo Lâm); Xuân La - An Thắng (huyện Pác Nặm) - Mai Long (huyện Nguyên Bình); Thượng Ân (huyện Ngân Sơn) - Hang Sậu xã Tam Kim (huyện Nguyên Bình); Cốc Đán (huyện

Ngân Sơn) - Thành Công (huyện Nguyên Bình). Trong giai đoạn 2020 - 2025 quy hoạch đường cấp VI miền núi, định hướng 2035 nâng lên cấp V miền núi.

#### **IV. Kết nối tỉnh Bắc Kạn - Lạng Sơn**

**1. Quốc lộ:** Quốc lộ 3B, QL.279 theo hiện trạng quy hoạch đã có.

#### **2. Đường tỉnh:**

- Nâng cấp tuyến đường Quang Phong- Đồng Xá - Xuân Dương (huyện Na Rì) nối ĐT.227 xã Thiện Long (huyện Lạng Sơn). Trong giai đoạn 2020 - 2025 quy hoạch đường cấp V miền núi, định hướng 2035 nâng lên cấp IV miền núi.

- Kết nối tuyến đường Cường Lợi (huyện Na Rì) - Hưng Đạo (huyện Bình Gia). Trong giai đoạn 2020-2025 quy hoạch đường cấp VI miền núi, định hướng 2035 nâng lên cấp V miền núi.

#### **3. Đầu tư mở mới, kết nối các tuyến đường huyện như sau:**

Kim Lư (huyện Na Rì) - Hoà Thám - Vĩnh Yên (huyện Tràng Định); Vũ Loan (huyện Na Rì) -Cao Minh (huyện Tràng Định). Trong giai đoạn 2020 - 2025 quy hoạch đường cấp VI miền núi, định hướng 2035 nâng lên cấp V miền núi.

### **H. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI TUYẾN VẬN TẢI**

#### **1. Giai đoạn 2017 - 2025:**

- Phát triển các tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh theo Quyết định số 189/QĐ-BGTVT ngày 19/01/2017 của Bộ Giao thông Vận tải về điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Tiếp tục phát triển mạng lưới các tuyến xe buýt theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phù hợp với từng giai đoạn.

- Lập quy hoạch sản phẩm chi tiết của quy hoạch phát triển lĩnh vực giao thông vận tải như: Tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh; điểm đỗ xe taxi; trạm dừng nghỉ đường bộ trên các tuyến đường tỉnh...

#### **2. Định hướng giai đoạn 2025 - 2035:**

- Tiếp tục phát triển mạng lưới các tuyến xe buýt theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch các tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

- Đưa một số tuyến vận tải hàng không dân dụng vào khai thác sử dụng.

- Nâng cao chất lượng các loại hình, dịch vụ vận tải công cộng.

### **I. QUY HOẠCH HỆ THỐNG BẾN XE; CÁC ĐIỂM DỪNG, NGHỈ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **1. Giai đoạn 2017 - 2025:**

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp Bến xe ô tô khách tỉnh Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn loại II và Bến xe khách các huyện Ba Bể, Chợ Đồn đạt tiêu chuẩn loại IV theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

- Xây dựng mới Bến xe phía Bắc thành phố Bắc Kạn, Bến xe các huyện Chợ Mới, Bạch Thông, Ngân Sơn và bãi đỗ xe tỉnh tại thành phố Bắc Kạn bảo đảm điều kiện tiêu chuẩn loại III, IV theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

- Xây dựng các trạm dừng nghỉ đường bộ theo quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ đường bộ trên các tuyến quốc lộ theo Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 của Bộ Giao thông Vận tải.

## **2. Định hướng giai đoạn 2025 - 2035:**

- Xây dựng các trạm dừng nghỉ đường bộ theo quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ đường bộ trên các tuyến cao tốc Thái Nguyên – Bắc Kạn – Cao Bằng.

- Cải tạo, nâng cấp Bến xe khách tỉnh Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn loại I và Bến xe các huyện Ba Bể, Chợ Đồn, Na Rì, Pác Nặm đạt tiêu chuẩn loại III theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

## **K. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP GIAO THÔNG VẬN TẢI**

### **1. Giai đoạn 2017 - 2025:**

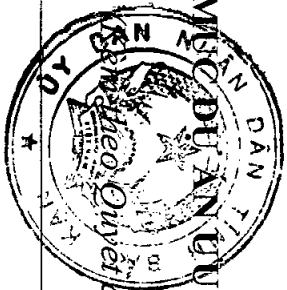
- Đầu tư nâng cấp Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT Bắc Kạn có một dây chuyền kiểm định loại II theo tiêu chuẩn quy định Nghị định số 63/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

- Xây dựng Trung tâm sát hạch lái xe mô tô hạng A1, A2 và Trung tâm sát hạch lái xe ô tô loại II tại Trung tâm thành phố Bắc Kạn.

### **2. Định hướng giai đoạn 2025 - 2035:**

- Đầu tư xây dựng thêm 01 Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT với 02 dây chuyền kiểm định. Bổ sung thêm 01 dây chuyền kiểm định của Trung tâm đăng kiểm phương tiện GTVT tại thành phố Bắc Kạn.

- Nâng cấp Trung tâm sát hạch lái xe ô tô tại thành phố Bắc Kạn đạt tiêu chuẩn loại I theo quy định của Bộ GTVT.



**PHỤ LỤC SỐ II**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ VÀ ĐƯỜNG TỈNH**

Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

TT	Danh mục ưu tiên các dự án xây dựng đường bộ	Chiều dài (Km)	Cấp quy hoạch giai đoạn 2017 - 2025			Cấp quy hoạch giai đoạn 2025 - 2035			Nhu cầu vốn (tỷ đồng)		
			Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Tổng số	Giai đoạn 2017 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2035
	<b>Tổng số</b>							36.869,6	15.869,1	21.000,5	
<b>I</b>	<b>Đường Quốc lộ</b>							27.450,0	10.317,4	17.132,6	
1	Quốc lộ 3							-			
1.1	Mở mới							-			
1.2	Nâng cấp, cải tạo	126,89	III MN	9,00	BTN			2.652,5	2.652,5		
<b>2</b>	<b>Quốc lộ 3B</b>							-			
2.1	Mở mới							-			
2.2	Nâng cấp, cải tạo							-			
	Km 61+00 - Km 112+00	51,00	IV MN	7,50	BTN			869,9	869,9		
	Km 203+00 - Km 211+00	8,00	IV MN	7,50	BTN			136,4	136,4		
	Nâng cấp toàn tuyến	144,00				III MN	9,00	913,5		913,5	
<b>3</b>	<b>Quốc lộ 279</b>							-			
3.1	Mở mới							-			
3.2	Nâng cấp, cải tạo							-			
	Km 229+00 - Km 299+00	70,00	IV MN	7,50	BTN			1.193,9	1.193,9		
	Km 313 - Km 321 và đoạn nối Km 27 - Km 63	44,00	IV MN	7,50	BTN			750,5	750,5		
	Nâng cấp toàn tuyến	134,58				III MN	9,00	853,8		853,8	
<b>4</b>	<b>Quốc lộ 3C</b>							-			
4.1	Mở mới							-			

TT	Danh mục ưu tiên các dự án xây dựng đường bộ	Chiều dài (Km)	Cấp quy hoạch giai đoạn 2017 - 2025			Cấp quy hoạch giai đoạn 2025 - 2035			Nhu cầu vốn (tỷ đồng)		
			Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Tổng số	Giai đoạn 2017 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2035
4.2	Nâng cấp, cải tạo							-			
	Xây dựng 4 cầu	0,14	HL93	10,00	BTN			27,9	27,9		
	Km 35+00 - Km 67+900	32,90	IV MN	7,50	BTN			561,1	561,1		
	Nâng cấp toàn tuyến	144,80				III MN	9,00	918,6	918,6		918,6
<b>5</b>	<b>Quốc lộ 3 mới</b>							-			
5.1	Mở mới							-			
	Km 110+333 - Km 144+500	34,17	III ĐB	12,00	BTN		31,00	4.878,7	1.336,5		3.542,2
	Kéo dài từ TP. Bắc Kạn - Cao Bằng	60,00	III MN	9,00	BTN		31,00	10.231,9	2.347,0		7.884,9
5.2	Nâng cấp, cải tạo							-			
	Km 93+320 - Km 110+333	17,835					31,00	1.849,0			1.849,0
<b>6</b>	<b>Đường Hồ Chí Minh</b>							-			
6.1	Mở mới							-			
	2 đoạn tránh qua Vân Tùng và TT Nà Phặc	11,29	III MN	9,00	BTN			1.612,4	441,7		1.170,7
<b>II</b>	<b>Đường tỉnh</b>							<b>9.419,6</b>	<b>5.551,7</b>		<b>3.867,9</b>
<b>1</b>	<b>ĐT 251</b>							-			
1.1	Mở mới							-			
	Tuyến Cốc Đán - Trung Hòa	24,06	IV MN	7,5	BTN			788,5	788,5		245,6
1.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	38,46				IV MN	7,5	245,6	245,6		
<b>2</b>	<b>ĐT 252</b>							-			



TT	Danh mục dự án đầu tư xây dựng đường bộ	Chiều dài (Km)	Cấp quy hoạch				Tổng số	Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	
			giai đoạn 2017 - 2025	giai đoạn 2025 - 2035				Giai đoạn 2017 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2035
2.1	Mở mới					-			
2.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	12,3		IV MN	7,5	BTN	209,8		209,8
3	<b>DT 252B</b>					-			
3.1	Mở mới					-			
3.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	15,573	V MN	6,5	BTN	173,3		173,3	
4	<b>DT 253</b>					-			
4.1	Mở mới					-			
4.2	Nâng cấp, cải tạo					-			
	Chu Hương - Hà Nội (Km 0 +00 - Km 12 + 00)	12	VI MN	6	LN	133,5		133,5	
	Km15+00-Km30+700	15,7	V MN	6,5	LN	174,7		174,7	
5	<b>DT 253B</b>					-			
5.1	Mở mới					-			
5.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	36,486		IV MN	7,5	BTN	531,2		531,2
6	<b>DT 254</b>					-			
6.1	Mở mới					-			
6.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	34,7	IV MN	7,50	BTN	1.137,2		1.137,2	
7	<b>DT 254B</b>					-			
7.1	Mở mới					-			
7.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	22,3		IV MN	7,5	BTN	324,7		324,7
8	<b>DT 256</b>					-			
8.1	Mở mới					-			
8.2	Nâng cấp, cải tạo					-			
	Nâng cấp cầu Yên Định	0,14	HL93	10,00	BTN	-			
	Km0+00-Km63+100	63,1	V MN	6,5	LN	157,5		157,5	
9	<b>DT 257B</b>					-			

TT	Danh mục ưu tiên các dự án xây dựng đường bộ	Chiều dài (Km)	Cấp quy hoạch giai đoạn 2017 - 2025			Cấp quy hoạch giai đoạn 2025 - 2035			Nhu cầu vốn (tỷ đồng)			
			Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Tổng số	Giai đoạn 2017 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2035	
9.1	Mở mới											
9.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	53,56	V MN	6,5	LN			133,7				
<b>10</b>	<b>ĐT 258</b>											
10.1	Mở mới											
10.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	49,7				III MN	9,00	BTN	723,6			723,6
<b>11</b>	<b>ĐT 258B</b>											
11.1	Mở mới											
11.2	Nâng cấp, cải tạo											
	Km 0 + 00 - Km 30+00	30	IV MN	7,5	BTN				436,8			436,8
	Km 33 - Km 65+585	32,585	V MN	6,5	LN				81,3			81,3
	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến từ Công Bằng (Pác Nặm) nối với xã Hồng Thái (huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang) thành đường tỉnh ĐT.258B nhánh 1	3	V MN	6,5	LN		7,5	BTN				43,7
<b>12</b>	<b>ĐT 259</b>											
12.1	Mở mới											
12.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến cũ	27,1				IV MN	7,5	BTN	394,6			394,6
	Nâng cấp tuyến đường Nông Hạ - Yên Hân kết nối với Sàng Mộc (Võ Nai, Thái Nguyên) thành 259 kéo dài	19	V MN	6,5	LN		7,5	BTN				276,6
<b>13</b>	<b>ĐT 259B</b>											
13.1	Mở mới											
13.2	Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến	27,188				IV MN	7,5	BTN	395,9			395,9





TT	Danh mục công trình xây dựng	Chiều dài (Km)	Cấp quy hoạch giai đoạn 2017 - 2025			Cấp quy hoạch giai đoạn 2025 - 2035			Nhu cầu vốn (tỷ đồng)	
			Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MĐ	Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MĐ	Tổng số	Giai đoạn 2017 - 2025
	Km0+00-Km27+188									
14	Nâng cấp cải tạo, mở mới đường huyện lên đường tỉnh								-	
14.1	Nâng cấp tuyến Thanh Vân - Cao Kỳ	5,6	V MN	6,5	LN			14,0	14,0	
14.2	Nâng cấp tuyến Cao Kỳ - Yên Cư	16	V MN	6,5	LN			39,9	39,9	
14.3	Nâng cấp tuyến DH Yên Thịnh - Bàn Thi - Quảng Bạch -- Tân Lập	21	V MN	6,5	LN			52,4	52,4	
14.4	Nâng cấp đoạn từ QL 3B (TP Bắc Kạn) - Đôn Phong (huyện Bạch Thông)	25	V MN	6,5	LN			62,4	62,4	
14.5	Mở mới tuyến Đôn Phong (Bạch Thông)- Đôn Phúc - Quảng Khê (Ba Bể) nối với QL3C	13,7	V MN	6,5	LN			34,2	34,2	
14.6	Mở mới, nâng cấp tuyến Quán Bình - Lục Bình (Bạch Thông) - Đôn Phúc - Quảng Khê (Ba Bể)	40	III MN	9,0	BTN			1.564,7	1.564,7	
14.7	Mở mới tuyến đường vành đai phía đông thành phố Bắc Kạn: Điểm đầu phường Xuất Hóa; Điểm cuối phường Huyền Tung	20	IV MN	7,5	BTN			291,2	291,2	
14.8	Mở mới, nâng cấp tuyến Yên Hân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn kết nối với xã Sàng Mộc, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	2,5	V MN	6,5	LN			6,2	6,2	

TT	Danh mục ưu tiên các dự án xây dựng đường bộ	Chiều dài (Km)	Cấp quy hoạch giai đoạn 2017 - 2025			Cấp quy hoạch giai đoạn 2025 - 2035			Nhu cầu vốn (tỷ đồng)		
			Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MD	Tổng số	Giai đoạn 2017 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2035
14.9	Mở mới, nâng cấp tuyến Cường Lợi (Na Rì) – Kết nối ĐT231 (xã Hưng Đạo, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn)	3	V MN	6,5	LN				7,5	7,5	
14.10	Mở mới, nâng cấp tuyến Lương Bằng (huyện Chợ Đồn) - Kiên Đài (huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang)	7,8				IV MN	7,5	BTN	113,6		113,6
14.11	Mở mới, nâng cấp tuyến Công Bằng (huyện Pác Nặm) - Yên Thồ (huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng)	5				IV MN	7,5	BTN	72,8		72,8
14.12	Nâng cấp, cải tạo tuyến từ ĐT.254 đi xã Xuân Lạc (Chợ Đồn, Bắc Kạn) – nối sang ĐH.13 xã Sơn Phú (Na Hang, Tuyên Quang)	5	V MN	6,5	LN				72,8	72,8	
14.13	Mở mới, nâng cấp tuyến Quang Phong - Đông Xá - Xuân Dương (huyện Na Rì) kết nối với ĐT 227 tỉnh Lạng Sơn (xã Thiện Long, huyện Bình Gia)	27				IV MN	7,5	BTN	393,1		393,1
14.14	Mở mới, nâng cấp tuyến đường xã Kim Hỷ (Na Rì) kết nối với xã Hương Nê (Ngân Sơn)	9,8				IV MN	7,5	BTN	142,7		142,7
15	Các dự án phát triển hạ tầng do ADB tài trợ								-		



TT	Danh mục dự án đầu tư xây dựng (tổng bộ)	Chiều dài (Km)	Cấp quy hoạch giai đoạn 2017 - 2025			Cấp quy hoạch giai đoạn 2025 - 2035			Nhu cầu vốn (tỷ đồng)		
			Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MB	Cấp kỹ thuật	Nền (m)	Kết cấu MB	Tổng số	Giai đoạn 2017 - 2025	Giai đoạn 2025 - 2035
15.1	Cải tạo, nâng cấp đường kết nối từ trung tâm huyện Pác Nặm của tỉnh Bắc Kạn với Sơn Lộ, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng	23,1	V MN	6,5	LN				57,7	57,7	
15.2	Cải tạo, nâng cấp đường từ trung tâm huyện Na Rì của tỉnh Bắc Kạn với Bình Già, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	20,471	VI MN	6	LN				51,1	51,1	
15.3	Cải tạo, nâng cấp đường kết nối từ trung tâm xã Thưng Ân, huyện Ngân Sơn của tỉnh Bắc Kạn với xã Hoa Thám, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng	10,5	VI MN	6	LN				26,2	26,2	

